

# PHÁP LUẬT SINGAPORE VỀ CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC KINH DOANH

TS. VŨ THỊ LAN ANH \*

## 1. Khái quát pháp luật của Singapore về các hình thức tổ chức kinh doanh

Do Singapore là nước có hệ thống pháp luật thuộc dòng họ common law nên cấu trúc pháp luật về công ti cũng như các hình thức tổ chức kinh doanh khác gồm luật án lệ và luật thành văn. Mặc dù có tập hợp các án lệ liên quan đến công ti và các hình thức tổ chức kinh doanh khác nhưng Singapore vẫn chú trọng ban hành nhiều văn bản luật trong lĩnh vực này.

Pháp luật thành văn về các hình thức tổ chức kinh doanh nói chung và công ti nói riêng ở Singapore có lịch sử phát triển lâu đời. Luật công ti Ấn Độ (Indian Company Act) năm 1866 là đạo luật về công ti đầu tiên áp dụng cho Vùng eo biển (Straits Settlements) - thuộc địa của Anh ở khu vực Đông Nam Á bao gồm Penang, Malacca và Singapore, đặt dưới sự kiểm soát của Thống đốc xứ Bengal. Tuy nhiên, vùng thuộc địa này đã tách ra khỏi khối thuộc địa Ấn Độ của Anh và trở thành thuộc địa Hoàng gia Anh vào năm 1867. Tới năm 1889, Luật công ti Ấn Độ chấm dứt hiệu lực trên vùng lãnh thổ này và bị thay thế bởi Pháp lệnh về công ti (Company Ordinance) năm 1889. Pháp lệnh này bị bãi bỏ và thay thế bằng các pháp lệnh mới vào các năm 1915, 1923 và 1940. Do có thời kì Singapore là một bang trong Liên bang Malaysia nên pháp luật Malaysia có nhiều ảnh hưởng tới pháp luật Singapore, cụ

thể Luật công ti Malaysia năm 1965 chính thức được áp dụng tại Singapore.<sup>(1)</sup> Ngày 9/8/1965 Singapore trở thành nước cộng hoà độc lập, tách ra khỏi Liên bang Malaysia. Với tư cách là quốc gia độc lập, Singapore ban hành Luật công ti năm 1967 mà về cơ bản là sự sao chép Luật công ti Malaysia năm 1965. Kể từ khi ban hành tới nay, đạo luật này đã nhiều lần sửa đổi, bổ sung, nhất là trong thời gian gần đây Luật công ti được sửa đổi gần như hàng năm, liên tục vào các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005 và gần đây nhất là vào năm 2008.<sup>(2)</sup> Luật công ti hiện hành gồm 411 điều với những nội dung khá chi tiết về thành lập và chấm dứt hoạt động của công ti, những điểm đặc trưng về các loại hình công ti, mối quan hệ giữa các thành viên công ti với nhau và giữa công ti với bên ngoài...

Bên cạnh đạo luật quan trọng nhất là Luật công ti (Luật số 50 - Tuyển tập năm 1994), Singapore còn ban hành hàng loạt văn bản pháp luật khác điều chỉnh các hình thức kinh doanh như Luật về đăng kí kinh doanh (Luật số 32 - Tuyển tập năm 2004), Luật về hợp danh (Partnership Act - Luật số 391 - Tuyển tập năm 1994); Luật về hợp danh trách nhiệm hữu hạn (Limited Liability Partnerships Act - Luật số 163A - Tuyển tập năm 1994); Luật về hợp danh hữu hạn (Limited Partnerships

\* Giảng viên Trung tâm luật so sánh  
Trường Đại học Luật Hà Nội

Act 2008 - Luật số 35 năm 2008), Luật phá sản (Luật số 20 - Tuyển tập năm 2000)... Bên cạnh đó, một số loại hình công ti đặc thù còn chịu sự điều chỉnh của những đạo luật khác, ví dụ: các công ti bảo hiểm và ngân hàng chịu sự điều chỉnh của Luật bảo hiểm (Luật số 142 - Tuyển tập năm 1994) và Luật ngân hàng (Luật số 20 - Tuyển tập năm 1994); công ti tài chính - Luật về công ti tài chính (Luật số 108 - Tuyển tập năm 1994); một số điều khoản của Luật chứng khoán và giao dịch tương lai (Luật số 289 - Tuyển tập năm 1994) cũng điều chỉnh hoạt động của công ti...

Luật thành văn của Singapore về các hình thức kinh doanh có điểm đặc thù là chịu ảnh hưởng sâu sắc của pháp luật một số nước cùng dòng họ pháp luật. Ví dụ, Luật công ti Singapore vay mượn nhiều điều khoản từ pháp luật về công ti của Anh và Australia; có rất nhiều điểm giống Luật công ti Malaysia năm 1965.

Bên cạnh luật thành văn do cơ quan lập pháp ban hành, ở Singapore còn áp dụng một số đạo luật của Anh và Malaysia. Cụ thể, Luật về áp dụng pháp luật Anh năm 1993 liệt kê những đạo luật của Anh có hiệu lực pháp luật trên lãnh thổ Singapore, trong đó có Luật về hợp danh.<sup>(3)</sup> Điều 2 (1) Luật giải thích thuật ngữ của Singapore còn quy định: “*Luật do Nghị viện Singapore ban hành bao gồm luật hoặc pháp lệnh của Singapore hoặc Malaysia có hiệu lực pháp luật tại Singapore*”.

Như vậy, có thể thấy pháp luật về các hình thức tổ chức kinh doanh ở Singapore khá đa dạng, bao gồm luật án lệ và luật thành văn, trong đó có cả các đạo luật của nước ngoài. Việc sử dụng cả các văn bản luật nước ngoài để điều chỉnh các quan hệ xã

hội phát sinh trong hoạt động tổ chức kinh doanh dưới các hình thức pháp lý khác nhau đã tạo nên điểm đặc thù của pháp luật Singapore trong lĩnh vực này.

## **2. Các hình thức tổ chức kinh doanh theo pháp luật Singapore**

Theo pháp luật Singapore, nhà đầu tư có thể kinh doanh dưới các hình thức: doanh nghiệp một chủ, hợp danh và công ti.

a. Doanh nghiệp một chủ (Sole Proprietorship) là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ. Doanh nghiệp một chủ không có tư cách pháp nhân. Khi một cá nhân kinh doanh, họ tiến hành hoạt động kinh doanh nhân danh chính mình, có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm cá nhân đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Vì thế, có thể nói cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm vô hạn trong kinh doanh. Nếu doanh nghiệp một chủ làm ăn thua lỗ hay bị phá sản, các chủ nợ có thể kiện chủ doanh nghiệp để đòi nợ, bởi vì chủ doanh nghiệp có nghĩa vụ trả nợ bằng cả tài sản doanh nghiệp lẫn tài sản cá nhân của mình. Đây là hình thức tổ chức kinh doanh đơn giản nhất ở Singapore. Loại hình doanh nghiệp một chủ tương tự như doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam và về cơ bản, quy chế pháp lý của doanh nghiệp một chủ cũng không khác gì so với doanh nghiệp tư nhân của chúng ta.

Để có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh với tư cách là chủ sở hữu duy nhất, cá nhân phải đăng kí kinh doanh theo quy định của Luật về đăng kí kinh doanh (Luật số 32). Tuy nhiên, có một số đối tượng tiến hành hoạt động kinh doanh nhưng không phải

đăng kí kinh doanh như tài xế taxi, người bán hàng rong... Đối với một số ngành nghề đặc thù như luật sư, kế toán viên, bác sĩ, kiến trúc sư, việc đăng kí kinh doanh được quy định trong các luật chuyên ngành khác, vì thế không chịu sự điều chỉnh của Luật về đăng kí kinh doanh. Muốn thành lập doanh nghiệp một chủ chỉ cần đăng kí với Cơ quan điều tiết kế toán và doanh nghiệp (Accounting and Corporate Regulatory Authority - ACRA).<sup>(4)</sup> Chủ doanh nghiệp không cần phải có tài khoản để cơ quan kiểm toán có thể kiểm soát như các loại doanh nghiệp khác nhưng vẫn phải báo cáo tài chính cuối năm cho cơ quan thuế.

b. Hợp danh (Partnership) là hình thức kinh doanh tập hợp từ 2 người trở lên cùng tiến hành kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận. Hợp danh không có tư cách pháp nhân, có tối đa 20 thành viên, hoạt động theo Luật về hợp danh (Luật số 391). Hợp danh không được gọi là công ti như ở Việt Nam.

Pháp luật Singapore quy định nếu số lượng thành viên của hợp danh vượt quá 20 thì hợp danh đó bắt buộc phải chuyển đổi thành công ti theo Luật công ti. Tuy nhiên, Luật về nghề luật (Luật số 161) quy định đối với những người hành nghề luật thì có thể thành lập hợp danh với trên 20 thành viên.

Bản thân hợp danh không thể đứng đơn nguyên đơn hoặc bị đơn trong các vụ kiện mà phải là các thành viên hợp danh. Các thành viên này liên đới chịu trách nhiệm vô hạn trước các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của hợp danh, kể cả trong trường hợp các thành viên hợp danh có thoả thuận phân chia trách nhiệm. Hợp danh không có quyền sở hữu tài sản.

Về nguyên tắc mọi thành viên hợp danh có quyền ngang nhau trong việc điều hành hoạt động của hợp danh. Để tránh tranh chấp có thể xảy ra, các thành viên thường kí thoả thuận hợp danh. Bản thân các cơ quan nhà nước cũng khuyến khích các hợp danh kí kết loại thoả thuận này.

Ngoài ra, pháp luật Singapore còn quy định về hai loại biến thể của hợp danh là hợp danh trách nhiệm hữu hạn (Limited Liability Partnership - LLP) và hợp danh hữu hạn (Limited Partnerships - LP).

Hợp danh hữu hạn là hợp danh không có tư cách pháp nhân gồm hai hay nhiều thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên hợp danh thường và một thành viên hợp danh hữu hạn; không giới hạn số lượng thành viên tối đa. Thành viên hợp danh thường chịu trách nhiệm vô hạn, còn thành viên hợp danh hữu hạn chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn góp vào hợp danh. Theo Điều 3 (5) Luật về hợp danh hữu hạn, cả hai loại thành viên này đều có thể là cá nhân hoặc công ti (hoặc LLP). Các thành viên hữu hạn không được tham gia quản lí hợp danh. Pháp luật Singapore quy định rõ trong trường hợp vì lí do nào đó mà LP không còn thành viên hữu hạn thì đăng kí kinh doanh của LP bị tạm thời đình chỉ và thành viên hợp danh thường được coi là đã đăng kí kinh doanh dưới hình thức hợp danh theo Luật về đăng kí kinh doanh. Chỉ khi có thành viên hợp danh hữu hạn mới xuất hiện và đăng kí tại ACRA thì LP được “sống lại”, đăng kí kinh doanh của LP được khôi phục lại.

Bên cạnh hợp danh hữu hạn còn có hợp danh trách nhiệm hữu hạn (LLP). Hợp danh

trách nhiệm hữu hạn có tư cách pháp nhân gồm ít nhất 2 thành viên, không hạn chế số lượng tối đa. Thành viên có thể là cá nhân từ 18 tuổi trở lên<sup>(5)</sup> hoặc công ti (hoặc LLP), đều chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi phần vốn góp vào công ti. Điểm đặc thù của loại hình hợp danh này là các thành viên hợp danh chịu trách nhiệm cá nhân trước những khoản nợ hoặc rủi ro của hợp danh phát sinh do hành vi thiếu cẩn trọng của mình nhưng không chịu trách nhiệm trước hành vi của các thành viên hợp danh khác. Khác với hợp danh và LP, LLP có thể đứng tên sở hữu tài sản. Đây là loại hình doanh nghiệp tương đối mới ở Singapore, mang những đặc trưng của cả hợp danh và công ti. Loại hợp danh này giống công ti ở chỗ: 1) Nó có tính kế thừa liên tục, tức là tồn tại liên tục không phụ thuộc vào “số phận” của các thành viên; 2) Có quyền sở hữu tài sản mang tên hợp danh; 3) Các thành viên không chịu trách nhiệm cá nhân về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của hợp danh mà chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn. Hợp danh trách nhiệm hữu hạn giống hợp danh ở chỗ các thành viên có thể thỏa thuận với nhau về việc phân chia lợi nhuận cũng như rủi ro, về việc quản lý điều hành hoạt động của hợp danh. Pháp luật không quy định “cứng” bộ máy tổ chức quản lý của LLP mà để các thành viên tự quyết định. LLP không cần có giám đốc, cổ đông hay thành viên hợp danh, nó chỉ có các thành viên vừa là chủ sở hữu, vừa điều hành kinh doanh. Chính vì thế, nó cũng mang các dấu hiệu của hợp danh. LLP kết hợp được tính mềm dẻo, linh hoạt về cơ chế quản lý của hợp danh với lợi thế của chế độ trách nhiệm hữu hạn. Loại

hình hợp danh này rất phù hợp cho những nhà đầu tư vừa muốn hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn, lại vừa muốn tổ chức kinh doanh dưới hình thức hợp danh. Mặc dù pháp luật không giới hạn ngành nghề có thể hoạt động dưới hình thức hợp danh này nhưng trên thực tế, những người hành nghề luật sư, kiểm toán viên thường lựa chọn loại hình hợp danh này để tiến hành các hoạt động kinh doanh chung.<sup>(6)</sup>

Loại hình doanh nghiệp một chủ và hợp danh có nhiều ưu điểm so với các loại hình doanh nghiệp khác. *Thứ nhất*, chúng đều không bị bắt buộc phải công khai tài chính. *Thứ hai*, thủ tục đăng ký kinh doanh cũng như việc kiểm soát từ phía Nhà nước cũng đơn giản hơn so với công ti. Muốn kinh doanh dưới hai hình thức này chỉ cần điều kiện là từ 18 tuổi trở lên, là công dân Singapore, người thường trú tại Singapore hoặc có giấy phép lao động. Về vấn đề này, pháp luật Singapore tỏ ra khá mềm dẻo khi cho phép trong trường hợp chủ sở hữu không phải là người thường trú ở Singapore thì có thể chỉ định giám đốc là người thường trú ở Singapore. Tuy nhiên, những người bị tuyên bố phá sản thì không có quyền đăng ký kinh doanh dưới hai hình thức này. *Thứ ba*, bộ máy tổ chức quản lý của hai hình thức kinh doanh này cũng đơn giản và mềm dẻo hơn so với công ti. Mặc dù vậy, hai hình thức kinh doanh này có hạn chế là chế độ chịu trách nhiệm vô hạn của chủ sở hữu và đăng ký kinh doanh theo từng năm, vì thế phải gia hạn từng năm một.

c. Công ti ở Singapore chịu sự điều chỉnh của Luật công ti (Luật số 50). Công ti có tư cách pháp nhân độc lập, vì thế có thể

đúng tên nguyên đơn, bị đơn trong các vụ kiện, có thể sở hữu tài sản dưới danh nghĩa của công ti, tách bạch với tài sản của các cổ đông; những người góp vốn vào công ti chịu trách nhiệm hữu hạn; công ti vẫn tiếp tục tồn tại kể cả khi các cổ đông hay giám đốc chết, từ chức hay phá sản.

Theo pháp luật Singapore, công ti được hiểu là các công ti có chế độ trách nhiệm hữu hạn. Luật công ti Singapore chia công ti thành hai loại là công ti tư nhân và công ti công chúng.

Công ti tư nhân (private company) gồm công ti TNHH tư nhân và công ti TNHH tư nhân miễn trừ (exempt private company).<sup>(7)</sup> Đa số các công ti ở Singapore là công ti tư nhân. Đây là loại hình công ti tương tự như công ti TNHH theo pháp luật Việt Nam. Để khuyến khích đầu tư vào công ti, pháp luật Singapore quy định những điều kiện thành lập công ti tư nhân rất đơn giản, linh hoạt.

Công ti công chúng (public company) là loại hình công ti có quy mô lớn và cổ phần của chúng thường được giao dịch trên thị trường chứng khoán Singapore. Công ti công chúng bao gồm công ti công chúng hữu hạn theo cổ phần (Public company limited by shares) và công ti công chúng hữu hạn theo bảo lãnh (Public company limited by guarantee).

Công ti công chúng hữu hạn theo cổ phần là công ti có quốc tịch Singapore với số lượng cổ đông có thể nhiều hơn 50. Công ti có thể tăng vốn bằng cách chào bán cổ phần, trái phiếu ra công chúng với điều kiện trước đó phải đăng ký cáo bạch tới Ủy ban tiền tệ Singapore.

Công ti công chúng hữu hạn theo bảo lãnh là loại hình công ti chủ yếu được sử dụng để thành lập các công ti phi lợi nhuận

nhằm phục vụ cho lợi ích công cộng và quốc gia như phát triển nghệ thuật, từ thiện, tổ chức nghề nghiệp, câu lạc bộ... Điểm đặc thù ở loại hình công ti này tạo ra sự khác biệt với công ti công chúng hữu hạn theo cổ phần là mặc dù các thành viên công ti chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn họ cam kết góp vào công ti nhưng trong trường hợp công ti bị phá sản, thành viên công ti và những người đã từng là thành viên trong vòng một năm kể từ khi công ti lâm vào tình trạng phá sản phải góp thêm tài sản tương ứng với khoản tiền họ đứng ra bảo lãnh cho công ti để thanh toán các khoản nợ phát sinh trong thời gian họ còn là thành viên. Những người từng là thành viên phải chịu trách nhiệm đó nếu các thành viên hiện tại không có khả năng thanh toán nợ.

Theo pháp luật Singapore, mọi thành viên tham gia góp vốn vào công ti đều được gọi là cổ đông. Công ti có ít nhất một cổ đông<sup>(8)</sup> và số lượng cổ đông tối đa tùy thuộc vào loại hình công ti: công ti TNHH tư nhân miễn trừ có số cổ đông tối đa là 20; công ti TNHH tư nhân có tối đa là 50 cổ đông; công ti công chúng có thể có nhiều hơn 50 cổ đông.

Công ti phải có ít nhất một giám đốc là người thường trú ở Singapore. Nếu người nước ngoài muốn trở thành giám đốc công ti Singapore thì phải xin cấp giấy phép lao động tại Bộ nhân lực. Đối với công ti, pháp luật cũng quy định chặt chẽ hơn về bộ máy quản lý công ti như về đại hội đồng cổ đông, giám đốc... Điểm khác biệt trong bộ máy quản lý công ti so với các loại hình doanh nghiệp khác là bắt buộc trong thời hạn 6 tháng kể từ khi đăng ký kinh doanh, công ti

phải bỏ nhiệm chức danh thư kí công ti; trong vòng 3 tháng phải bỏ nhiệm kiểm toán viên nội bộ trừ trường hợp công ti thuộc diện được miễn kiểm toán.

Theo Điều 17 (3) Luật công ti, tổ chức kinh doanh có trên 20 thành viên thì bắt buộc phải đăng kí kinh doanh dưới hình thức công ti, trừ các hợp danh mang tính chất nghề nghiệp hoạt động theo quy định của các đạo luật thành văn khác như Luật về nghề luật... Việc đăng kí kinh doanh cho công ti phức tạp hơn doanh nghiệp một chủ và hợp danh với lệ phí đắt hơn (315\$ so với 65\$ Singapore). Thủ tục đăng kí kinh doanh cho công ti bao gồm hai bước: 1) Đăng kí tên gọi của công ti. Sau khi tên gọi được chấp thuận có thể tiến hành thủ tục đăng kí kinh doanh. Tên gọi đã đăng kí sẽ được giữ trong vòng 2 tháng và có thể gia hạn thêm 2 tháng nữa; 2) Nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh. Tại Singapore, mọi thủ tục đăng kí kinh doanh đều phải thực hiện qua mạng. Cơ quan đăng kí kinh doanh sẽ hoàn tất thủ tục trong vòng 15 phút sau khi nộp lệ phí đăng kí kinh doanh (cũng qua mạng). Một số ngành nghề kinh doanh đòi hỏi phải có giấy phép hoặc chấp thuận của bộ chuyên ngành như tài chính, bảo hiểm, đại lí du lịch và trường tư thục thì thời gian có thể kéo dài từ 14 ngày tới 2 tháng.<sup>(9)</sup>

Sau khi được thành lập, công ti trở thành thực thể pháp lí độc lập, tách bạch khỏi các thành viên công ti. Tư cách pháp lí độc lập của công ti được ghi nhận trong cả luật thành văn (Điều 19 (5) Luật công ti) và luật án lệ. Cụ thể, có thể tham khảo các án lệ Salomon v A Salomon & Co Ltd [1897] AC22; Lee v Lee's Air Farming Ltd [1961] AC12. Điều

này dẫn đến hậu quả là các khoản nợ và nghĩa vụ do công ti tạo ra là của chính công ti chứ các cổ đông không chịu trách nhiệm thay cho công ti. Nếu công ti làm ăn thua lỗ, không thanh toán được các khoản nợ thì các chủ nợ phải gánh chịu rủi ro đó bởi vì các thành viên công ti chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn. Luật công ti đưa ra một số trường hợp ngoại lệ về trách nhiệm cá nhân của thành viên công ti. Cụ thể tại Điều 339 (3) và Điều 340 (2), những khoản nợ tạo ra trong trường hợp không hề có hi vọng công ti có thể thanh toán thì người tham gia kí kết hợp đồng tạo ra những khoản nợ đó bị coi là có lỗi trong việc vi phạm hợp đồng và phải chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ đó. Trường hợp ngoại lệ thứ hai được quy định tại Điều 340 (1) Luật công ti, theo đó khi công ti đang lâm vào tình trạng phá sản, nếu có bất kì hành vi kinh doanh nào của công ti nhằm mục đích lừa dối chủ nợ thì toà án có quyền tuyên bố rằng người thực hiện hành vi đó phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của công ti. Trường hợp ngoại lệ thứ ba được đặt ra khi công ti chia lợi nhuận ngay cả khi công ti làm ăn thua lỗ thì giám đốc công ti - người trực tiếp chi trả hoặc cho phép chi trả khoản lợi nhuận đó phải chịu trách nhiệm cá nhân về khoản thanh toán đó (Điều 403 (2b) Luật công ti).

Qua nghiên cứu pháp luật Singapore về các hình thức tổ chức kinh doanh, có thể rút ra một số nhận xét sơ bộ sau đây:

*Thứ nhất*, pháp luật Singapore về các hình thức tổ chức kinh doanh bao gồm luật thành văn và luật bất thành văn (án lệ). Cũng

giống như nhiều quốc gia thuộc dòng họ common law, các quy định về thương mại nói chung và công ti nói riêng đã được pháp điển hoá và các đạo luật thành văn giữ vai trò chủ đạo trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử nên luật thành văn của Singapore về các hình thức kinh doanh chịu nhiều ảnh hưởng của pháp luật Anh, Australia, Malaysia...

*Thứ hai*, các hình thức kinh doanh của tư nhân ở Singapore về cơ bản cũng giống như nhiều quốc gia khác, bao gồm doanh nghiệp một chủ, hợp danh và công ti. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu thực tiễn đa dạng của các nhà đầu tư, ngoài những loại hình doanh nghiệp truyền thống, Singapore còn đưa ra những hình thức kinh doanh độc đáo khác như hợp danh trách nhiệm hữu hạn (LLP).

*Thứ ba*, chế định công ti của Singapore khá tương đồng với công ti TNHH và cổ phần ở Việt Nam về bản chất, số lượng thành viên, chế độ chịu trách nhiệm. Điểm khác biệt chủ yếu tập trung vào các hình thức công ti (tên gọi và cách phân loại chúng); bộ máy quản lý nội bộ công ti.

*Thứ tư*, thủ tục đăng ký kinh doanh ở Singapore rất đơn giản, gọn nhẹ. Tất cả các quy trình đều được hướng dẫn công khai trên website của ACRA. Mọi thủ tục đăng ký đều tiến hành qua mạng và có thể hoàn tất trong vòng vài chục phút. Đây là yếu tố rất quan trọng góp phần khuyến khích các nhà đầu tư Singapore bắt đầu kinh doanh dưới các hình thức khác nhau.

Như vậy, có thể thấy pháp luật linh hoạt, mềm dẻo với các hình thức kinh doanh đa

dạng cùng với những thủ tục hành chính thông thoáng đã tạo nên những tiền đề cơ bản để các nhà đầu tư Singapore cũng như nước ngoài bỏ vốn kinh doanh ở đất nước nhỏ bé nhưng giàu có này. Đây cũng là bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật kinh doanh nói chung và pháp luật về doanh nghiệp nói riêng./.

- (1). Luật công ti Malaysia được ban hành dựa trên Luật công ti năm 1961 của bang Victoria (Australia).
- (2). Xem: <http://www.guidemesingapore.com/business/c645-singapore-company-act-amendments.htm>
- (3). Xem: Leonard Goh Choon Hian. Legal systems in ASEAN – Si. Chapter 2 – Sources of law. [http://www.aseanlawassociation.org/papers/sing\\_chp2.pdf](http://www.aseanlawassociation.org/papers/sing_chp2.pdf)
- (4). ACRA là cơ quan quốc gia được thành lập năm 2004 trên cơ sở sáp nhập cơ quan đăng ký công ti và kinh doanh (RCB) và Ban kiểm toán công (PAB). Chức năng chủ yếu của ACRA là đăng ký kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh và kiểm toán viên công; báo cáo và tư vấn cho Chính phủ những vấn đề liên quan đến đăng ký và điều tiết hoạt động của các nhà kinh doanh và kiểm toán viên công..., qua đó tạo môi trường tốt cho hoạt động kinh doanh và kiểm toán công. Xem: <http://www.acra.gov.sg>
- (5). Quy định về độ tuổi này áp dụng từ ngày 01/3/2009.
- (6). Xem: website về đăng ký kinh doanh của Chính phủ Singapore: [http://www.bizfile.gov.sg/mybizfile/pr od/pop\\_up/comparison\\_chart.htm](http://www.bizfile.gov.sg/mybizfile/pr od/pop_up/comparison_chart.htm)
- (7). Công ti trách nhiệm hữu hạn tư nhân miễn trừ là loại công ti mà tất cả thành viên đều là cá nhân (tối đa là 20), không có sự tham gia góp vốn trực tiếp hoặc gián tiếp của các công ti khác. Nếu doanh thu của công ti thấp hơn hạn mức nhất định thì có thể được Bộ trưởng tài chính quyết định cho miễn thuế.
- (8). Trước đây công ti phải có ít nhất 2 cổ đông. Theo Luật công ti sửa đổi năm 2004, công ti có thể chỉ có một cổ đông và công ti vẫn tiếp tục tồn tại với cổ đông duy nhất đó. Tuy nhiên, Luật đòi hỏi giám đốc duy nhất của công ti loại đó phải là người thường trú tại Singapore và giám đốc không đồng thời là thư kí công ti.
- (9). Xem: [http://www.acra.gov.sg/Company/Starting\\_a\\_Company/Incorporating+a+Local+Company.htm](http://www.acra.gov.sg/Company/Starting_a_Company/Incorporating+a+Local+Company.htm)